



tiếng Việt thực hành

Biên tập bởi:

Đại học sư phạm Hà Nội

tiếng Việt thực hành

Biên tập bởi:

Đại học sư phạm Hà Nội

Các tác giả:

Đại học sư phạm Hà Nội

Phiên bản trực tuyến:

<http://voer.edu.vn/c/4491bb06>

MỤC LỤC

1. Giới thiệu chung
 2. Các cách phân loại vốn từ tiếng Việt
 3. Lịch sử tiếng việt
 4. Phân chia từ loại tiếng Việt
 5. Thực từ và hư từ
 6. Hệ thống từ loại tiếng Việt
 7. Động từ
 8. Tính từ
 9. Đại từ
 10. Số từ
 11. Phụ từ
 12. Quan hệ từ
 13. Tình thái từ
 14. Hiện tượng chuyển loại của từ
 15. Một số điểm cần lưu ý
 16. Bài tập thực hành
- Tham gia đóng góp

Giới thiệu chung

Mục tiêu cần đạt

- Có những hiểu biết cơ bản về lịch sử vấn đề từ loại tiếng Việt;
- Nắm được các tiêu chí phân chia từ loại tiếng Việt theo quan điểm của giáo trình;
- Nắm được hệ thống từ loại tiếng Việt;
- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học về từ loại để giải quyết các vấn đề có liên quan.

Điều kiện tiên quyết

- Sinh viên đã hoàn thành các đơn vị kiến thức: *Dẫn luận ngôn ngữ học, Ngữ âm học, Từ vựng - Ngữ nghĩa học, Đại cương về Ngữ pháp*;
- Sinh viên đọc giáo trình và các tài liệu tham khảo.

Đề cương bài giảng

Các quan niệm về từ loại tiếng Việt

Các cách phân loại vốn từ tiếng Việt

Lịch sử vấn đề từ loại tiếng Việt

Kết quả phân chia từ loại tiếng Việt theo các quan niệm khác nhau

Hệ thống từ loại tiếng Việt

Thực từ và hư từ

Các từ loại thực từ

Danh từ

Số từ

Động từ

.Tính từ

Đại từ

Các từ loại hư từ

Phụ từ

Quan hệ từ

Tình thái từ

Hiện tượng chuyển loại từ

Tài liệu tham khảo

<!--[if !supportLists]-->1. <!--[endif]-->Diệp Quang Ban - Hoàng Dân, **Ngữ pháp tiếng Việt** (Sách dùng cho hệ Cao đẳng sư phạm), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.

<!--[if !supportLists]-->2. <!--[endif]-->Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung, **Ngữ pháp tiếng Việt**, tập một, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

<!--[if !supportLists]-->3. <!--[endif]-->Lê Biên, **Từ loại tiếng Việt hiện đại**, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

<!--[if !supportLists]-->4. <!--[endif]-->Nguyễn Tài Cẩn, **Ngữ pháp tiếng Việt**, Nxb ĐHQGHN, 1999.

<!--[if !supportLists]-->5. <!--[endif]-->Cao Xuân Hạo, **Ngữ pháp chức năng tiếng Việt** (quyển 2), **Ngữ đoạn và Từ loại**, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005.

<!--[if !supportLists]-->6. <!--[endif]-->Nguyễn Anh Quế, **Ngữ pháp tiếng Việt**, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996.

<!--[if !supportLists]-->7. <!--[endif]-->Nguyễn Thị Quy, **Ngữ pháp chức năng tiếng Việt (Vị từ hành động)**, Nxb KHXH, 1995.

http://ngonngu.net/index.php?fld=nnh&sub=nguphap&pst=tuloai_nhc

http://ngonngu.net/index.php?fld=nnh&sub=nguphap&pst=hutu_HV

Các cách phân loại vốn từ tiếng Việt

Các quan niệm về từ loại tiếng Việt

Các cách phân loại vốn từ tiếng Việt

Trả lời câu hỏi

Từ **nhanh** và từ **mĩ lệ** có những điểm nào khác nhau, những điểm nào giống nhau?

Khác nhau:

- Về âm thanh và cấu tạo : *nhanh* là từ một tiếng, còn *mĩ lệ* là từ nhiều tiếng, hơn nữa mỗi từ có thành phần âm thanh (các phụ âm, nguyên âm, thanh điệu) khác nhau. - Về nghĩa từ vựng (tạm thời giới hạn trong nghĩa gốc): từ *nhanh* chỉ đặc điểm về tốc độ của hoạt động (trên mức trung bình), còn từ *mĩ lệ* chỉ đặc điểm về hình thức của sự vật (đẹp). - Về nguồn gốc: *nhanh* là một từ Việt. còn *mĩ lệ* là từ gốc Hán. *Nhanh* là một từ đa phong cách, trong khi *mĩ lệ* thiên về phong cách văn chương....

Giống nhau :

Về các phương diện trên. *nhanh* và *mĩ lệ* không cùng một loại, một hệ thống. Nhưng nếu xem xét về đặc điểm ngữ pháp thì hai từ đó lại có nhiều điểm giống nhau :

+ Cả hai đều có ý nghĩa thuộc phạm trù nghĩa khái quát chỉ đặc điểm + Cả hai đều có thể đóng vai trò trung tâm của một cụm từ chính phụ : kết hợp ở phía trước với phụ từ chỉ mức độ (cực kỳ nhanh, cực kỳ *mĩ lệ*...) + Cả hai đều có thể làm vị ngữ trong câu một cách trực tiếp :

Ví dụ : Nó *nhanh* lắm.

Phong cảnh ở đây thật là *mĩ lệ*.

Nhận xét

Số lượng từ trong mỗi ngôn ngữ là rất lớn. Nhưng không phải mỗi từ đều hoàn toàn khác với những từ khác. *Vốn từ trong mỗi ngôn ngữ hình thành những loại, những lớp, những hệ thống lớn nhỏ có những đặc điểm giống nhau. Những từ có đặc điểm giống nhau tạo nên một loại . Đặc điểm giống nhau của các từ có thể thuộc về ngữ âm, có thể thuộc về cấu tạo, có thể thuộc về ngữ nghĩa, có thể thuộc về ngữ pháp,...*

Ví dụ:

- Dựa vào hình thức âm thanh: các từ giống nhau toàn bộ hay gần toàn bộ về hình thức âm thanh tập hợp thành từ đồng âm hay từ gần âm.- Dựa vào đặc điểm cấu tạo: các từ có cùng một kiểu cấu tạo hợp thành từ đơn, từ ghép (từ ghép đẳng lập, từ ghép chính phụ); từ láy (từ láy hoàn toàn, từ láy phụ âm đầu, từ láy bộ phận vần).- Các từ có thể giống nhau về nghĩa, từ đó hình thành các hệ thống ngữ nghĩa với các mức độ lớn nhỏ khác nhau: các từ cùng trường nghĩa, các từ gần nghĩa, các từ đồng nghĩa, các từ trái nghĩa...- Dựa vào nguồn gốc: từ gốc Việt, từ gốc Hán, từ có nguồn gốc Ấn Âu...

Khái niệm từ loại

Từ loại là lớp các từ có sự giống nhau về các đặc điểm ngữ pháp. Muốn phân định được từ loại thì cần xác định được đặc điểm ngữ pháp của từ.

Lịch sử tiếng việt

Lịch sử vấn đề từ loại tiếng Việt



Đọc các tài liệu tham khảo đã cho và trả lời câu hỏi:

Các nhà Việt ngữ học có những xu hướng nhìn nhận vấn đề từ loại tiếng Việt như thế nào? Vì sao lại có những quan niệm trái ngược nhau như vậy về vấn đề từ loại tiếng Việt?

- Xu hướng 1: **phủ nhận sự tồn tại của từ loại tiếng Việt**.
- Xu hướng 2: **Nhiều nhà nghiên cứu thừa nhận sự tồn tại của từ loại tiếng Việt**

Nguyên nhân: Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, từ tiếng Việt không biến đổi hình thái trong hoạt động sử dụng ngôn ngữ. Đặc điểm này khiến cho việc xác định từ loại trong tiếng Việt có những điểm khác biệt so với các ngôn ngữ hòa kết (tiêu biểu là các ngôn ngữ Ấn - Âu).



Hãy cho biết:

Giữa các nhà Việt ngữ học theo xu hướng thừa nhận sự tồn tại của từ loại tiếng Việt, quan niệm phân chia từ loại tiếng Việt có hoàn toàn thống nhất không?

Hint

So sánh các tiêu chí phân chia từ loại tiếng Việt được các tác giả Trương Vĩnh Kí, Trần Trọng Kim, Bùi Đức Tịnh, Nguyễn Lân, Lê Văn Lí, Nguyễn Phú Phong, Nguyễn Tài Cẩn,... nêu ra.

Có

Sai

Đúng

Khái quát về lịch sử vấn đề từ loại tiếng Việt

Vì tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, không biến đổi hình thái nên việc nghiên cứu về từ loại không thể tránh khỏi những ý kiến bất đồng. Có 2 quan điểm trái ngược nhau trong vấn đề phân chia từ loại tiếng Việt:- Xu hướng 1: **phủ nhận sự tồn tại của từ loại tiếng Việt**. Đó là các tác giả: M.Grammont, Lê Quang Trình, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Hiến Lê. "**Tiếng Việt cơ cấu theo một lối khác hẳn với ngôn ngữ phương Tây nên không có từ loại...**" và "**... không nên phân biệt từ loại bởi vì không phân loại được và cũng chẳng để làm gì**"(Lịch sử văn chương Việt Nam. 1.Paris. Hồ Hữu Tường)

- Xu hướng 2: **Nhiều nhà nghiên cứu thừa nhận sự tồn tại của từ loại tiếng Việt**. Song tùy theo quan điểm và tùy theo các phương pháp khác nhau, các ý kiến đó tập hợp thành 3 nhóm chính: +Phân loại từ loại xuất phát từ ý nghĩa của từ: Đây là xu hướng của ngữ pháp truyền thống, với các đại diện như Trương Vĩnh Kí, Trần Trọng Kim, Bùi Đức Tịnh, Nguyễn Lân... Áp dụng khuôn mẫu sẵn có của ngữ pháp Latinh, họ đã chia vốn từ tiếng Việt theo đúng các từ loại của ngôn ngữ Ấn - Âu. Các nhà ngôn ngữ sau này gọi cách phân chia của buổi đầu nghiên cứu ấy là phân loại từ theo lối “**tiên nghiệm chủ nghĩa**”. +Phân loại từ loại dựa vào khả năng kết hợp của từ: Đây là xu hướng của nhóm tác giả theo trường phái cấu trúc luận với các đại diện là Lê Văn Lí, Nguyễn Phú Phong, Nguyễn Tài Cần. Chịu ảnh hưởng của trường phái cấu trúc luận Mĩ về thể phân bố (chu cảnh), các tác giả đã tiến hành phân loại tiếng Việt dựa vào khả năng kết hợp của từ. Lê Văn Lí trong tác phẩm **Le parler vietnamien**. Hương Canh. Paris 1948 đã khẳng định “**Chính nhờ sự phân tích tỉ mỉ tất cả các yếu tố của chu cảnh 1 từ trong tất cả các vị trí của nó mà người ta đi tới chỗ xác định được những tiêu chí khu biệt cho phép ta tìm ra các từ, khiến cho 1 từ này vì có những tiêu chí này nên không trùng với từ khác vốn có tiêu chí khác.**” Những từ dùng để khu biệt từ này với từ khác ông gọi là **từ làm chứng (mots – témoins)**. + Phân loại từ dựa vào cả ý nghĩa và khả năng kết hợp của từ. Với phương pháp này vốn từ Tiếng Việt được phân loại khá triệt để song nó vẫn không thể rạch ròi 1 số nhóm từ và 1 số tiểu loại trong mỗi nhóm. Nhằm khắc phục điều đó, trong cuốn **Văn phạm Việt Nam**- NXB Phạm Văn Tươi. Sài Gòn 1952, tác giả Bùi Đức Tịnh đã bổ sung thêm tiêu chí “**chức năng mà từ đảm nhận trong câu**” nhằm phân định từ loại .

Phân chia từ loại tiếng Việt

Kết quả phân chia từ loại tiếng Việt theo các quan niệm khác nhau

Theo quan niệm phân chia từ loại xuất phát từ ý nghĩa của từ



Đọc sách

Đọc phần tài liệu liên quan đến quan niệm của các tác giả Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm, Bùi Ki

Hãy cho biết: theo quan niệm của các tác giả này, hệ thống từ loại tiếng Việt được chia thành bao nhiêu loại? Đó là những loại nào?

Các tác giả Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm, Bùi Ki đã chia vốn từ vựng Tiếng Việt thành 13 từ loại như sau

- Danh từ : ngựa, cá, người..
- Mạo từ: cái, những, các..
- Loại từ: cây, quả, hoa, cá, chim..
- Chỉ thị từ: nay, này, kia, nào..
- Đại danh từ: tôi, tao, mày nó, ai, gì ,chi...
- Tính từ: to, nhỏ, cao ,thấp..
- Động từ: ăn, uống, nói, cười..
- Trạng từ: rất, quá, lắm, thậm, cũng, đều..
- Giới từ: của, bởi, bằng, với...
- Liên từ: và, với, cùng, hay, hoặc, vì...
- Tán thán từ: chà, a, ô, ôi, hỡi...
- Trợ ngữ từ: à, ư, nhỉ, nhé...
- Tiếng đệm...

Theo quan niệm dựa vào khả năng kết hợp của từ



Đọc sách

Đọc phần tài liệu liên quan đến quan niệm của tác giả Lê Văn Lí

Hãy cho biết hệ thống từ loại tiếng Việt được tác giả phân chia như thế nào?

Tác giả Lê Văn Lý chia vốn từ tiếng Việt thành 3 nhóm:

- Nhóm 1: danh từ
- Nhóm 2: động từ và tính từ
- Nhóm 3: gồm các nhóm nhỏ sau: từ chỉ ngôi, từ chỉ số lượng và các tiểu từ (nhóm này không có từ chứng)

Theo quan niệm dựa vào ý nghĩa, khả năng kết hợp, chức vụ cú pháp của từ



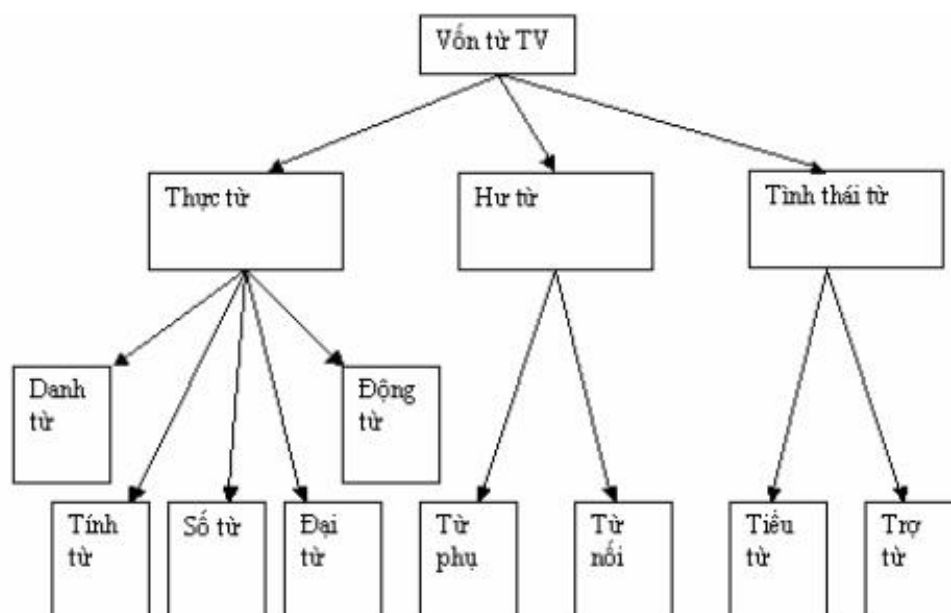
Thực hành



So sánh hệ thống từ loại tiếng Việt theo quan điểm phân chia của các tác giả: *Đinh Văn Đức, Diệp Quang Ban - Hoàng Thung, Lê Biên, Nguyễn Tài Cẩn.*

Gợi ý: Hãy vẽ sơ đồ hệ thống từ loại tiếng Việt theo quan điểm của mỗi tác giả.

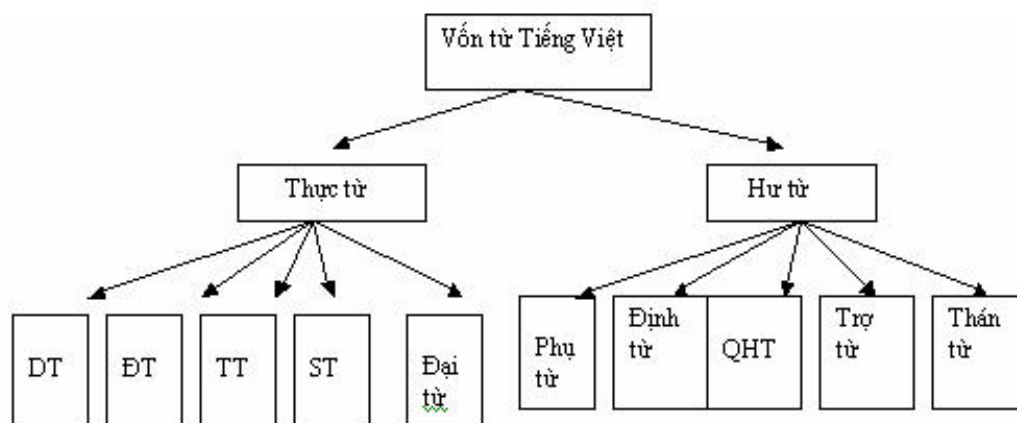
Kiến thức cần đạt



Sơ đồ hệ thống từ loại tiếng Việt theo quan niệm của tác giả Đinh Văn Đức

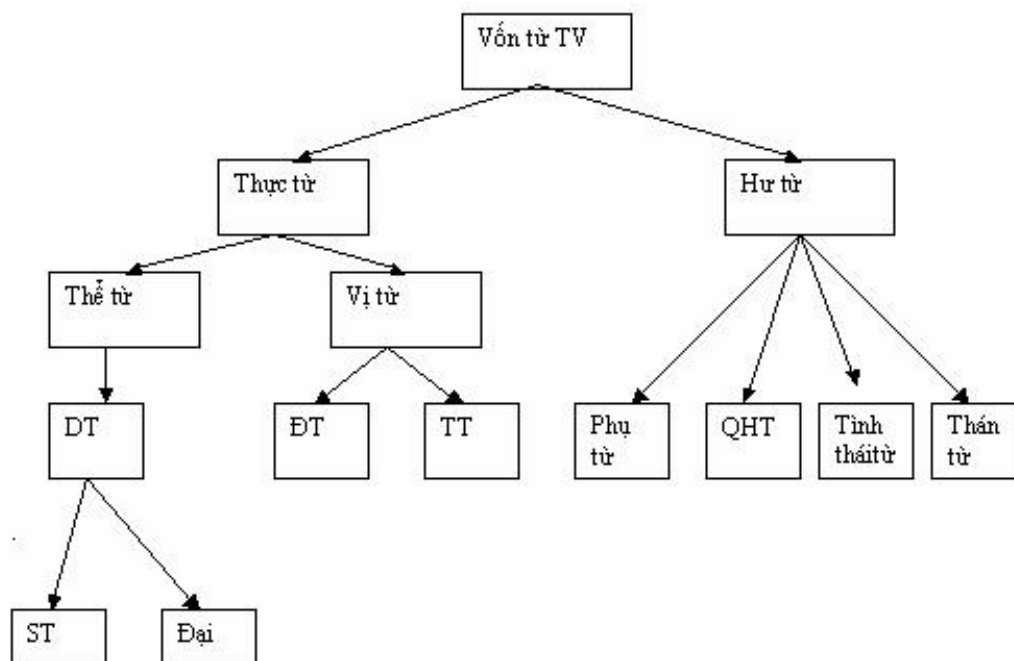
Tác giả Đinh Văn Đức (“**Ngữ pháp Tiếng Việt**” -Từ pháp học. NXB HTHCN.HN.1986. tr100-186) đã chia từ loại tiếng Việt thành 3 nhóm lớn với các tiểu

loại nhỏ như sau:- Thực từ: danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ.- Hư từ: từ phụ, từ nối.- Tình thái từ: tiểu từ, trợ từ.

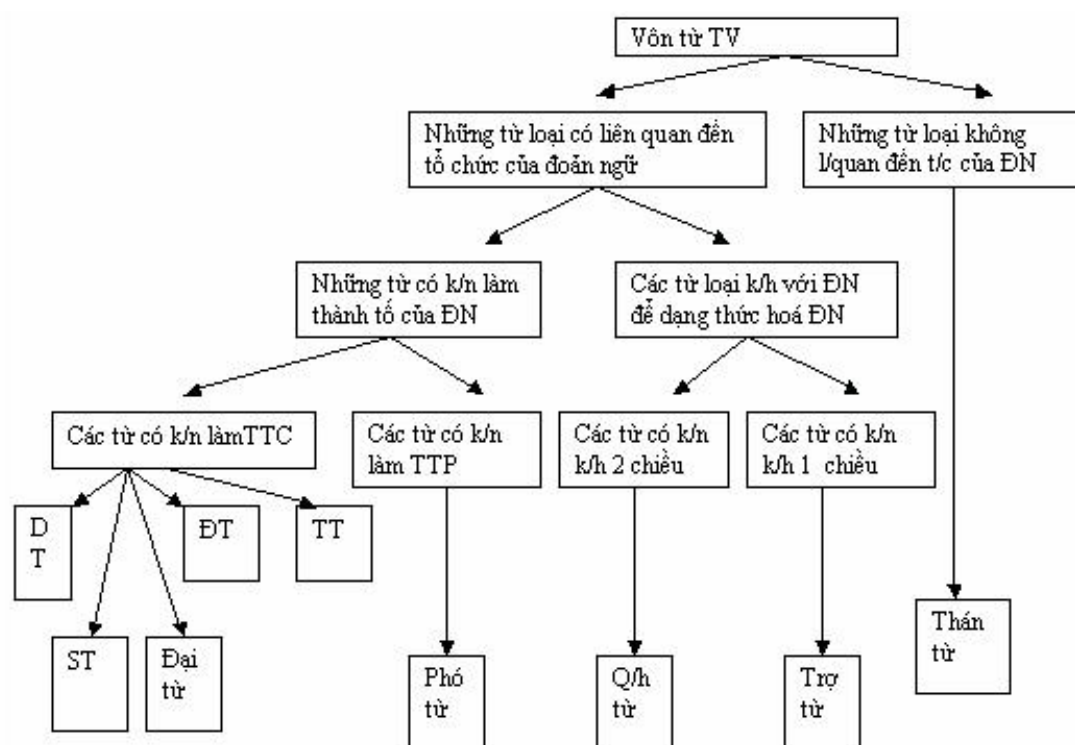


Sơ đồ hệ thống từ loại tiếng Việt theo quan điểm của các tác giả Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung

Trong cuốn "**Ngữ pháp Tiếng Việt**", các tác giả Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung đã chia thành 2 nhóm lớn với các từ loại cụ thể sau:- Thực từ: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ - Hư từ: phụ từ(định từ, phó từ), kết từ, tiểu từ(trợ từ, tình thái từ) Trong đó số từ và đại từ là trung gian giữa thực từ và hư từ.



Sơ đồ hệ thống từ loại tiếng Việt theo quan điểm của tác giả Lê Biên



Sơ đồ hệ thống từ loại tiếng Việt theo quan điểm của tác giả Nguyễn Tài Cẩn

Thực từ và hư từ

Từ loại thực từ và từ loại hư từ

Thực từ



Ví dụ 1



Hãy nêu ý nghĩa từ vựng khái quát của các từ sau: *bàn, ghế, ăn, ngủ, vui, buồn, tốt, xấu...*

- Các từ *bàn, ghế* có ý nghĩa từ vựng khái quát là (gọi tên) *sự vật*;
- Các từ *ăn, ngủ* có ý nghĩa từ vựng khái quát là (gọi tên) *hoạt động*;
- Các từ *vui, buồn* có ý nghĩa từ vựng khái quát là (gọi tên) *trạng thái*;
- Các từ **tốt, xấu** có ý nghĩa từ vựng khái quát là (gọi tên) **tính chất**.



Ví dụ 2



Các từ được gạch chân trong ví dụ sau đây giữ vai trò gì trong các cụm từ chính phụ:

Những bông sen đắm sương đêm.

- Từ sen giữ vai trò thành tố trung tâm của cụm từ chính phụ *những bông sen*.
- Từ sương giữ vai trò thành tố phụ bổ sung ý nghĩa cho từ trung tâm trong cụm từ chính phụ *đắm sương đêm*.



Ví dụ 3



Hãy cho biết các từ được gạch chân trong các ví dụ sau có chức vụ ngữ pháp gì trong câu:

a. Chim hót.

b. Gió thổi.

- Từ chim giữ chức vụ chủ ngữ trong câu **Chim hót**.

- Từ thổi giữ chức vụ vị ngữ trong câu *Gió thổi*.



Định nghĩa

Những từ được đề cập đến trong các ví dụ trên được gọi là **thực từ**. Hãy rút ra những đặc điểm của thực từ.

Người ta gọi những từ có ý nghĩa chân thực như từ "nhà" là thực từ. Nhưng thực từ có giá trị đầy đủ và có vị trí độc lập, rõ ràng, không cần bàn cãi. (Nguyễn Văn Tu. "Từ vựng học tiếng Việt hiện đại". Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1968, tr.31)

Những từ có ý nghĩa từ vựng chân thực và có thể làm thành phần câu gọi là thực từ. (Nguyễn Kim Thản. "Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt". Tập 1. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1963. Tr.147)

Từ thực là những từ có khả năng một mình tạo thành câu, một mình làm phần nêu hoặc phần báo trong phần chính của câu; đồng thời có chức năng gọi tên (hoặc trở) sự vật, thuộc tính sự vật. (Hồng Dân. "Bước đầu tìm hiểu vấn đề từ hư trong tiếng Việt". Tạp chí Ngôn ngữ, số 1, năm 1970. Tr.68)

Tiếng độc lập, thực, chính là những yếu tố xưa nay ta thường quen gọi là thực từ. (Nguyễn Tài Cẩn. "Ngữ pháp tiếng Việt". Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội, 1975. Tr.33)

Trong bản thân ý nghĩa của mỗi từ loại, thực từ bao giờ cũng chứa đựng sự thống nhất của các nhân tố "từ vựng" và nhân tố "ngữ pháp". (Đình Văn Đức. "Về một cách hiểu ý nghĩa các từ loại trong tiếng Việt". Tạp chí Ngôn ngữ, số 2, năm 1978. Tr.39)

Thực từ là từ có "nghĩa thực" (hoặc nghĩa từ vựng) về sự vật, hiện tượng, loại nghĩa mà nhờ nó có thể làm được sự liên hệ giữa các từ với sự vật, hiện tượng nhất định. Ví dụ: cơm, bánh, ăn, sản xuất, ngon, giỏi, tích cực... Thực từ có thể dùng

làm phần đề và phần thuyết trong một nòng cốt câu. Với hai thực từ đã có thể cấu tạo được một nòng cốt câu đơn. Ví dụ: Xe // chạy. Lúa // tốt. (UBKHXHVN. "Ngữ pháp tiếng Việt". Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983. Tr.68)

Hư từ



Ví dụ 1



Nêu nhận xét về ý nghĩa từ vựng của các từ được gạch chân trong các ví dụ sau đây:

a. đang học

b. tôi với anh

Các từ được gạch chân trong các ví dụ trên không có ý nghĩa từ vựng chân thực, không có khả năng định danh sự vật, hiện tượng, trạng thái, tính chất mà chỉ có khả năng làm dấu hiệu bổ sung một số ý nghĩa ngữ pháp cho thực từ.

Cụ thể:- Từ đang bổ sung ý nghĩa thời gian hiện tại cho động từ học;- Từ với bổ sung ý nghĩa quan hệ bình đẳng cho các từ tôi - anh.



Ví dụ 2



Các từ được gạch chân trong các ví dụ sau có chức năng ngữ pháp như thế nào trong các cụm từ chính phụ và trong các câu?

a. đang học bài

b. Có lẽ nó đang học bài.

- Từ đang không thể làm thành tố chính mà chỉ có khả năng làm thành tố phụ của cụm động từ.- Từ Có lẽ là thành phần phụ tình thái trong câu biểu thị sự phỏng đoán, chưa chắc chắn.



Định nghĩa

Những từ được đề cập đến trong các ví dụ trên được gọi là *hur từ*. Vậy, theo anh, chị, *hur từ* là gì?

Hur từ không có chức năng định danh, không có khả năng độc lập làm thành phần câu, dùng để biểu thị các quan hệ ngữ nghĩa - cú pháp khác nhau giữa các thực từ.(Nguyễn Như Ý chủ biên. "Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học". Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996. Tr.123)

Hur từ dùng để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp và không có ý nghĩa từ vựng.(Nguyễn Văn Tu. "Khái luận ngôn ngữ học". Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960. Tr.196)

Hur từ không tồn tại độc lập nếu không có những thực từ. Tuy vậy, chúng vẫn khác với các từ tố ở chỗ không gắn chặt với thực từ, chúng vẫn có đời sống riêng giữa các thực từ, thậm chí giữa các mệnh đề nữa. Hur từ vẫn biểu thị khái niệm: đó là khái niệm về sự tương quan giữa các sự vật. Bởi vậy, hur từ - là những từ - quan hệ - tuy không làm thành phần của câu nhưng rất cần thiết cho việc xây dựng câu.(Đỗ Hữu Châu. "Giáo trình Việt ngữ". Tập 2 - Từ hội học. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1962. Tr.20)

Theo nghĩa dùng trong ngôn ngữ học, hur từ là những từ không có ý nghĩa từ vựng chân thực, mà chỉ có tác dụng làm công cụ ngữ pháp để chỉ các ý nghĩa ngữ pháp khác nhau của các từ.(Nguyễn Kim Thán. "Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt". Tập 1. Nxb KHXH, Hà Nội, 1963. Tr.35)

Từ hur là những từ không có khả năng một mình tạo thành câu, không có khả năng một mình làm phần nêu hoặc phần báo trong phần chính của câu; đồng thời không có chức năng gọi tên (hoặc trỏ) sự vật, thuộc tính của sự vật, nhưng lại có chức năng làm dấu hiệu của một quan hệ ngữ pháp nào đó, một tình cảm hoặc một thái độ nào đó. (Hồng Dân. "Bước đầu tìm hiểu vấn đề từ hur trong tiếng Việt". Tạp chí Ngôn ngữ, số 1, năm 1970. Tr.66)

Tiếng độc lập, hur, phần lớn là những yếu tố xưa nay ta thường quen gọi là hur từ (hay từ công cụ). (Nguyễn Tài Cẩn. "Ngữ pháp tiếng Việt". Nxb ĐH và THCN, Hà Nội, 1975. Tr.33)

Hur từ là những từ dùng để biểu thị một số những quan hệ cú pháp nhất định. (UBKHXHVN. "Ngữ pháp tiếng Việt". Nxb KHXH, Hà Nội, 1983. Tr.29)

Đó là tập hợp không lớn về số lượng các từ, bản chất của ý nghĩa hur từ là tính chất ngữ pháp, là phương tiện biểu đạt mối quan hệ giữa các khái niệm trong tư duy theo cách thức phản ánh bằng ngôn ngữ của người bản ngữ. (Đinh Văn Đức. "Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)". Nxb ĐH và THCN, Hà Nội, 1986. Tr.43)

Hư từ chân chính thì không thể thay thế bằng từ khác trong một văn cảnh cụ thể được. Thuộc vào đây có các chỉ tố về số (những, các), các mạo từ (mọi, mỗi, từng, cái), các chỉ tố thời gian (đã, sẽ, đang, vừa, mới, từng), hệ từ (là), giới từ (cùng, bằng, với), liên từ (nếu, tuy, nên), liên giới từ (của, vì, bởi). (Nguyễn Minh Thuyết. "Thảo luận về vấn đề xác định hư từ trong tiếng Việt". Tạp chí Ngôn ngữ, số 3, năm 1986. Tr.43).

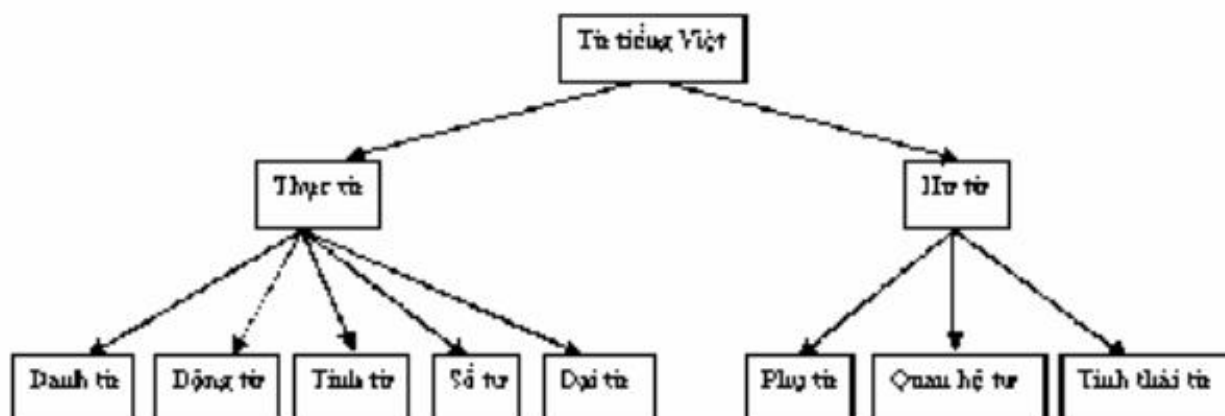
Lưu ý

- Sự phân loại thực từ - hư từ chỉ mang tính chất tương đối.- Số lượng thực từ nhiều hơn hư từ nhưng hư từ lại có tần số sử dụng cao hơn. - Trong quá trình sử dụng, có sự chuyển hóa giữa thực từ sang hư từ và ngược lại.

Tailieu.vn

Hệ thống từ loại tiếng Việt

Hệ thống tiếng Việt



Sơ đồ khái quát hệ thống từ loại tiếng Việt

DANH TỪ

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA DANH TỪ

Danh từ là một từ loại lớn, bao gồm một số lượng từ rất lớn và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động nhận thức, tư duy và giao tiếp của con người.



Hoạt động đọc

Cho đoạn văn sau:

“Tôi lắng nghe tiếng xôn xao từ cánh đồng. Những âm thanh ấy tác động thật mạnh mẽ đến tốc độ chín vàng của lúa. Mới đây thôi đồng lúa phoi một màu vàng chanh, còn lúc này nó đã rực lên một màu vàng cam rồi. Mặt trời từ từ trôi về phía những dãy núi mờ xa. Đường như đồng lúa và mặt trời đang có một sự đua tài thầm kín nào đấy.”

SV tìm các DT có trong đoạn văn trên?

“Tôi lắng nghe tiếng xôn xao từ cánh đồng. Những âm thanh ấy tác động thật mạnh mẽ đến tốc độ chín vàng của lúa. Mới đây thôi đồng lúa phoi một màu vàng chanh, còn lúc

này nó đã rực lên một màu vàng cam rồi. Mặt trời từ từ trôi về phía những dãy núi mờ xa. Đường như đồng lúa và mặt trời đang có một sự đua tài thầm kín nào đấy.”



Trả lời câu hỏi

Em dựa vào những tiêu chí nào để nhận ra DT? Từ đó hãy rút ra đặc điểm của DT?

SV xét danh từ trên 3 tiêu chí nhận diện từ loại nói chung: ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp, chức vụ cú pháp. Cụ thể là:

Ý nghĩa khái quát: danh từ là từ thường chỉ sự vật, chỉ người, chỉ hiện tượng tự nhiên - xã hội và các khái niệm trừu tượng thuộc phạm trù tinh thần.

VD: cánh đồng, dãy núi, âm thanh, xã hội, tư tưởng...

-Khả năng kết hợp: thường kết hợp với từ chỉ lượng ở đằng trước và từ chỉ định ở đằng sau. Tức là, danh từ có khả năng làm thành tố chính trong cụm danh từ.

Chức vụ cú pháp: đảm nhận vai trò của các thành phần câu (thành phần chính và thành phần phụ)



Phân tích ví dụ

Hãy tìm những tổ hợp chứa danh từ để xem xét khả năng kết hợp của danh từ trong đoạn văn trên?.

Tôi lắng nghe tiếng xôn xao từ cánh đồng. Những âm thanh ấy tác động thật mạnh mẽ đến tốc độ chín vàng của lúa. Mới đây thôi đồng lúa phôi một màu vàng chanh, còn lúc này nó đã rực lên một màu vàng cam rồi. Mặt trời từ từ trôi về phía những dãy núi mờ xa. Đường như đồng lúa và mặt trời đang có một sự đua tài thầm kín nào đấy.”



Thực hành

Hãy tìm các thành phần câu mà danh từ (cụm danh từ) đảm nhận.